

KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN KHÁNH LONG (*)

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, Việt Nam đang đứng trước làn sóng kinh tế nền tảng, nơi các quan hệ lao động đang thay đổi nhanh chóng, vượt xa khuôn khổ pháp lý truyền thống. Vấn đề đặt ra hiện nay không chỉ là thúc đẩy tăng trưởng việc làm số, mà quan trọng hơn là bảo đảm an toàn, sức khỏe và quyền lợi chính đáng cho người lao động trên nền tảng số, nhằm hiện thực hóa mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Từ khóa: An toàn, vệ sinh lao động; kinh tế số; người lao động; xã hội số.

Abstract: In the context of globalization and deep integration, Vietnam is facing the wave of platform-based economy, where labor relations are changing rapidly, far beyond traditional legal frameworks. The current issue is not only promoting the growth of digital employment but, more importantly, ensuring the safety, health, and legitimate rights of workers on digital platforms, in order to realize the goal of “leaving no one behind” in the process of national digital transformation.

Keywords: Occupational safety and health; digital economy; workers; digital society.

Ngày nhận bài: 10/12/2025 Ngày biên tập: 15/12/2025 Ngày duyệt đăng: 19/12/2025

1. Thực trạng an toàn, vệ sinh lao động trên nền tảng số tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, cùng với tiến trình chuyển đổi số quốc gia và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, Việt Nam đang chứng kiến sự xuất hiện và mở rộng nhanh chóng của các hình thức lao động dựa trên nền tảng số (platform work). Đây là hiện tượng kinh tế - xã hội mới, khi người lao động tham gia cung ứng dịch vụ, thực hiện công việc thông qua các nền tảng trung gian số mà không có quan hệ lao động truyền thống. Loại hình việc làm này đang dần chiếm một tỷ trọng đáng kể trong thị trường lao động Việt Nam, đặc biệt tại các thành phố lớn, nơi hạ tầng công nghệ và nhu cầu tiêu dùng số phát triển mạnh. Trong số đó, các nhóm lao động phổ biến bao gồm tài xế công nghệ, người giao hàng, nhân viên bán hàng trực tuyến, người sáng tạo nội dung (livestream, video marketing) và nhóm freelancer trong lĩnh vực công nghệ thông tin, thiết kế, truyền thông kỹ thuật số.

(*) Phó Cục trưởng Cục Việc làm, Bộ Nội vụ

Đặc điểm nổi bật của nhóm lao động nền tảng là tính linh hoạt cao, họ làm việc theo thời gian và địa điểm tự chọn, không có hợp đồng lao động dài hạn, không được bảo đảm các quyền lợi cơ bản như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, nghỉ phép, khám sức khỏe định kỳ, hay huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ). Trong nhiều trường hợp, công việc của họ bị chi phối hoàn toàn bởi thuật toán điều hành và cơ chế phân phối đơn hàng của nền tảng, dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa năng suất, thu nhập và sức khỏe.

Quá trình hoạt động cho thấy rằng hầu hết lao động nền tảng đang đứng ngoài lưới an sinh chính thức, dù họ đóng vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế, mà một nguyên nhân quan trọng của tình trạng này là chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên biệt về lao động nền tảng. Hiện việc quản lý thông tin người lao động chủ yếu do các doanh nghiệp nền tảng nắm giữ, nhưng chưa được kết nối, chia sẻ với cơ quan quản lý nhà nước. Việc thống kê số lượng, giới tính, ngành nghề, thu nhập,

mức độ rủi ro và điều kiện làm việc của nhóm này vì thế còn rất hạn chế, gây khó khăn cho công tác hoạch định chính sách. Trong khi đó, Luật Việc làm số 74/2025/QH15 đã đặt nền tảng cho việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về việc làm nhưng vẫn chưa đề cập đến nhóm lao động nền tảng.

Dù Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ quan điểm “lấy con người làm trung tâm của phát triển” nhưng trong thực tiễn quản lý, việc cụ thể hóa các nguyên tắc đó thành chính sách bảo vệ người lao động số vẫn còn chậm hơn so với tốc độ thay đổi của nền kinh tế. Từ góc độ quản lý nhà nước, có thể thấy tình hình ATVSLĐ đối với nhóm lao động nền tảng hiện nay đang tồn tại ba vấn đề lớn: 1) Nhận thức của người lao động và doanh nghiệp nền tảng về trách nhiệm đảm bảo ATVSLĐ còn thấp. 2) Hệ thống pháp luật hiện hành chưa bao phủ loại hình lao động phi truyền thống này. 3) Cơ quan quản lý nhà nước chưa có công cụ thống kê, giám sát và kiểm tra phù hợp.

2. Những thách thức và cơ hội của số hóa tại Việt Nam

2.1. Cơ hội của số hóa đối với phát triển việc làm và an sinh xã hội

Mặc dù chưa có các số liệu thống kê chính thức, song theo ước tính hiện nay trên cả nước đã có hàng trăm nghìn lao động làm việc thông qua các nền tảng số như giao đồ ăn, taxi công nghệ, bán hàng qua mạng xã hội. Con số này vẫn tiếp tục gia tăng nhanh chóng, phản ánh xu thế toàn cầu: lao động đang dần dịch chuyển từ khu vực chính thức sang khu vực linh hoạt (flexible work). Nhờ các ứng dụng công nghệ, người lao động có thể làm việc theo dự án, theo đơn hàng, theo kỹ năng chuyên biệt, và chủ động hơn trong lựa chọn thời gian, không gian làm việc. Đối với nhiều người trẻ, đặc biệt là thế hệ Z, đây không chỉ là công việc, mà còn là một lối sống số - linh hoạt, năng động, tự chủ và sáng tạo.

Ở cấp độ vĩ mô, nền kinh tế số góp phần thúc đẩy năng suất lao động, mở rộng thị trường dịch vụ và giảm chi phí trung gian. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tiếp cận nhân lực toàn cầu thông qua các nền tảng trực tuyến, trong khi người lao động ở

các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể tham gia cung ứng dịch vụ số từ xa. Đó là minh chứng sinh động cho quan điểm của Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: “Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên nền tảng đổi mới sáng tạo, kinh tế số, công nghệ số; tạo việc làm, thu nhập ổn định, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững”.

Đặc biệt, số hóa tạo điều kiện đa dạng hóa hình thức việc làm - một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh cơ cấu dân số vàng đang dần khép lại. Các nền tảng như Be, Grab, Gojek, ShopeeFood, Tiki, Lazada không chỉ mang lại hàng trăm nghìn việc làm cho tài xế, nhân viên giao hàng, mà còn thúc đẩy hệ sinh thái phụ trợ gồm sửa chữa phương tiện, bán thiết bị, đào tạo kỹ năng, dịch vụ bảo hiểm, và các nghề nghiệp mới như “chuyên viên quản lý tài khoản bán hàng”, “người sáng tạo nội dung”, “quản trị cộng đồng trực tuyến”. Đây chính là những ngành nghề phi truyền thống đang mở rộng nhanh nhất tại Việt Nam.

Ngoài ra, công nghệ số còn mang lại cơ hội cải thiện chất lượng quản lý nhà nước về lao động. Với dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI), các cơ quan quản lý có thể giám sát thị trường lao động thời gian thực, phát hiện vi phạm về hợp đồng, an toàn lao động, hoặc điều kiện làm việc; đồng thời hoạch định chính sách trên cơ sở bằng chứng dữ liệu. Đây là hướng tiếp cận hiện đại theo đúng tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”.

2.2. Thách thức đặt ra trong quá trình số hóa

Thứ nhất, bản chất của quan hệ lao động đang thay đổi sâu sắc. Trong mô hình nền tảng số, quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trở nên mờ nhạt và phân tán, khi nền tảng chỉ đóng vai trò trung gian

kết nối, còn người lao động lại bị điều hành bởi các thuật toán tự động. Điều đó khiến cho việc áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019, đặc biệt là Điều 13 về xác lập quan hệ lao động gặp nhiều khó khăn. Nhiều người lao động dù làm việc thường xuyên, có thu nhập ổn định, nhưng vẫn không được công nhận là “người lao động theo hợp đồng”, dẫn đến việc không được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tiền lương, thời giờ làm việc, hay ATVSLĐ.

Thứ hai, nguy cơ mất an toàn nghề nghiệp gia tăng trong môi trường làm việc số khi áp lực năng suất cao, phát sinh nhiều vấn đề tâm lý, các bệnh nghề nghiệp mới... Đây là những rủi ro mà Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 chưa bao phủ, vì luật chủ yếu tập trung vào các ngành nghề có yếu tố nguy hiểm, độc hại vật lý truyền thống.

Thứ ba, khoảng cách về kỹ năng số và nhận thức an toàn vẫn là rào cản lớn. Theo ước tính của ILO và một số nghiên cứu quốc tế, khoảng 60% lực lượng lao động toàn cầu làm việc trong khu vực phi chính thức, không được bảo vệ đầy đủ bởi pháp luật lao động và hệ thống an sinh xã hội; lao động nền tảng ở các nước đang phát triển thường rơi vào nhóm này. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc mà còn làm gia tăng rủi ro an toàn lao động, nhất là với những nghề có yếu tố nguy hiểm như giao hàng, vận tải công nghệ.

Thứ tư, chính sách an sinh xã hội hiện hành chưa kịp thích ứng. Mặc dù Luật Bảo hiểm xã hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) đã mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, song chưa có cơ chế linh hoạt cho lao động nền tảng - những người có thu nhập biến động hàng ngày, hàng tuần. Việc đóng BHXH theo tháng vẫn là rào cản lớn vì thu nhập của họ không ổn định.

Thứ năm, sự thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành trong quản lý khiến việc xây dựng chính sách trở nên chậm trễ. Hiện nay, lĩnh vực lao động do Bộ Nội vụ phụ trách quản lý nhà nước, trong khi các nền tảng số lại do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý về công nghệ; còn lĩnh vực thuế, bảo hiểm, an toàn giao thông liên quan đến Bộ Tài chính và

Bộ Công an. Việc thiếu cơ chế điều phối thống nhất khiến cho các chính sách hỗ trợ, giám sát và bảo vệ người lao động nền tảng chưa phát huy hiệu quả tổng thể.

2.3. Khoảng trống pháp lý

Khi xem xét toàn bộ vấn đề, có thể thấy thách thức lớn nhất hiện nay không phải ở chỗ chuyển đổi số nhanh hay chậm mà là việc xây dựng kịp thời một khung pháp lý phù hợp với thực tiễn mới của nền kinh tế số. Nếu hệ thống pháp luật không theo kịp, người lao động nền tảng - vốn là lực lượng tiên phong trong nền kinh tế mới sẽ trở thành nhóm dễ bị tổn thương nhất. Nói cách khác, mọi bước tiến về công nghệ nếu không song hành với tiến bộ trong chính sách xã hội thì sẽ dẫn đến sự phân hóa và bất bình đẳng.

Bảo vệ người lao động luôn là trụ cột của hệ thống pháp luật lao động Việt Nam song như đã thừa nhận sự thay đổi sâu sắc từ thực tế hiện nay: công việc được thực hiện trên không gian mạng, người sử dụng lao động có thể là một thuật toán và nơi làm việc có thể ở bất cứ đâu. Chính sự thay đổi căn bản này đã tạo ra một khoảng trống pháp lý, khiến việc bảo vệ người lao động nền tảng trở nên khó khăn và chưa đồng bộ.

Có thể khái quát 04 khoảng trống pháp lý cơ bản hiện nay: 1) Thiếu định nghĩa pháp lý rõ ràng về người lao động nền tảng, khiến các quy định về bảo hiểm, an toàn, kiểm tra, xử phạt khó áp dụng; 2) Thiếu cơ chế xác lập trách nhiệm của doanh nghiệp nền tảng đối với người lao động trong các vấn đề an toàn, huấn luyện và bồi thường khi xảy ra tai nạn; 3) Thiếu cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông giữa các bộ, ngành để thống kê, quản lý và giám sát lao động nền tảng; 4) Thiếu mô hình bảo hiểm linh hoạt phù hợp với đặc thù thu nhập biến động của người lao động số.

Những khoảng trống này không chỉ là vấn đề kỹ thuật lập pháp, mà còn là vấn đề nhận thức chính sách - khi hệ thống pháp luật chưa theo kịp nhịp chuyển đổi số, trong khi nền kinh tế đã bước sang giai đoạn vận hành bằng dữ liệu và nền tảng. Vì vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ người lao động nền tảng không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan

quản lý nhà nước về lao động, mà còn là một yêu cầu chính trị được đặt ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/02/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cũng như trong định hướng cải cách thể chế, tinh gọn tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

3. Đề xuất chính sách, chiến lược và hành động của Chính phủ

3.1. Cơ sở quốc tế và định hướng của ILO

Trên bình diện toàn cầu, vấn đề bảo vệ người lao động trong nền kinh tế số đã được đặt ra như một ưu tiên chính sách hàng đầu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Báo cáo về việc làm thỏa đáng trong kinh tế nền tảng (Realizing decent work in the platform economy) được trình bày tại Hội nghị Lao động quốc tế lần thứ 113 (ILC 113) tổ chức tại Geneva (tháng 6/2025), đã cho thấy: “Không thể có một nền kinh tế số bền vững nếu người lao động bị loại trừ khỏi lưới an sinh, không được bảo vệ trước rủi ro nghề nghiệp và không có tiếng nói trong các chính sách điều hành nền tảng”.

Báo cáo của ILO cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên cần khẩn trương xây dựng cơ chế pháp lý linh hoạt và toàn diện, bao gồm: (1) Cập nhật định nghĩa pháp lý về “người lao động” để bao quát các hình thức việc làm phi truyền thống; (2) Thiết lập cơ chế bảo hiểm linh hoạt, bảo đảm quyền lợi của lao động tự do, lao động nền tảng; (3) Thúc đẩy đối thoại xã hội về quyền của người lao động trong không gian số; (4) Bảo đảm an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bình đẳng giới trong môi trường làm việc trực tuyến.

Những định hướng này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Việt Nam về phát triển con người trong thời đại số, được thể hiện nhất quán trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng nhấn mạnh “lấy con người là trung tâm của phát triển”.

3.2. Hoàn thiện khung pháp lý về lao động nền tảng

Trong thời gian tới, cần xác định, rà soát bổ sung, sửa đổi Bộ luật Lao động, Luật ATVSLĐ, Luật BHXH và các luật có liên quan để bảo vệ

người lao động nền tảng là một nhiệm vụ cần được xem xét, bổ sung trong Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2026 - 2027.

Việc sửa đổi, bổ sung này cần tập trung làm rõ ba vấn đề cốt lõi, cụ thể là:

Thứ nhất, xác định rõ khái niệm và tiêu chí nhận diện người lao động nền tảng, cần bổ sung tiêu chí về “mức độ phụ thuộc vào nền tảng” để phân loại nhóm lao động có tính chất phụ thuộc kinh tế, nhằm làm căn cứ bảo vệ pháp lý.

Thứ hai, xác lập trách nhiệm của doanh nghiệp nền tảng đối với người lao động tham gia cung ứng dịch vụ. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm liên đới trong việc bảo đảm ATVSLĐ, huấn luyện kỹ năng an toàn, cung cấp thông tin về rủi ro nghề nghiệp và hỗ trợ bồi thường khi xảy ra tai nạn trong quá trình làm việc. Khi xây dựng quy định này có thể tham chiếu mô hình của Hàn Quốc (2023) và Singapore (2024), nơi doanh nghiệp nền tảng phải đóng góp 1 - 2% doanh thu vào Quỹ bảo hiểm nghề nghiệp linh hoạt.

Thứ ba, thiết lập cơ chế giám sát và kiểm tra linh hoạt. Cần cho phép cơ quan quản lý nhà nước truy cập dữ liệu của nền tảng để kiểm soát số lượng, điều kiện làm việc và thời gian hoạt động của người lao động. Đồng thời, cần quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Nội vụ (cơ quan quản lý nhà nước về lao động, việc làm), Bộ Khoa học và Công nghệ (quản lý hạ tầng nền tảng) và Bộ Công an (đảm bảo an toàn dữ liệu cá nhân). Việc hoàn thiện khung pháp lý này không chỉ giúp bảo đảm an sinh cho người lao động số, mà còn góp phần tăng tính minh bạch, ổn định và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nền tảng, phù hợp với chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3.3. Phát triển mô hình bảo hiểm linh hoạt (Flexible Insurance Model)

Để khắc phục tình trạng người lao động nền tảng bị “bỏ lại ngoài lưới an sinh”, cần sớm nghiên cứu để thiết lập một cơ chế bảo hiểm xã hội linh hoạt. Trên cơ sở quy định của pháp luật về Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, Chính phủ có thể thí điểm mô hình đóng - hưởng theo giao dịch (pay-as-you-work) đối với lao động

nền tảng. Theo đó, mỗi đơn hàng, chuyến xe hoặc hợp đồng dịch vụ thực hiện qua nền tảng sẽ tự động trích một phần (ví dụ 1 - 2%) từ giá trị giao dịch để đóng bảo hiểm xã hội hoặc bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp. Mô hình này đang được nhiều quốc gia như Pháp, Hà Lan, Indonesia áp dụng thành công.

Tại Việt Nam, cơ quan chủ trì có thể là Bộ Nội vụ phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của ILO và Ngân hàng thế giới. Việc triển khai sẽ được tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về việc làm số, đảm bảo tính tự động, minh bạch và công bằng giữa các nhóm lao động.

3.4. Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về việc làm số

Một trong những điều kiện tiên quyết để quản lý lao động nền tảng là phải có dữ liệu chính xác, thời gian thực. Trong giai đoạn 2026 - 2028, cần ưu tiên xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về việc làm số, kết nối giữa Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các doanh nghiệp nền tảng lớn. Cơ sở dữ liệu này sẽ thu thập, phân loại và cập nhật thông tin về người lao động, tình trạng việc làm, thu nhập và rủi ro nghề nghiệp. Đây sẽ là công cụ giúp Chính phủ giám sát hiệu quả thị trường lao động nền tảng, hoạch định chính sách bảo hiểm và ATVSLĐ theo bằng chứng, đồng thời là nền tảng để Việt Nam tiến tới xây dựng Chỉ số an sinh số (Digital Social Protection Index) trong thời gian tới.

3.5. Tăng cường đối thoại xã hội và hợp tác quốc tế

Một khía cạnh quan trọng khác là thúc đẩy đối thoại xã hội giữa Nhà nước - doanh nghiệp nền tảng - người lao động. Chính phủ cần xem xét, khuyến khích thành lập tổ chức đại diện của người lao động nền tảng theo tinh thần của các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và phê chuẩn. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN OSHNET (Mạng lưới An toàn, sức khỏe nghề nghiệp ASEAN), Diễn đàn Lao động ASEAN+3 và Chương trình Hợp tác lao động Việt Nam - Hàn Quốc trong khuôn khổ Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA).

Những hợp tác này sẽ giúp Việt Nam tiếp cận mô hình tốt, chia sẻ kinh nghiệm về quản trị nền tảng và chuẩn hóa tiêu chuẩn an toàn lao động số.

3.6. Chiến lược quốc gia về “Việc làm số an toàn và bền vững 2026 - 2030”

Từ thực trạng nêu trên, Chính phủ có thể cân nhắc, giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Chiến lược quốc gia về việc làm số an toàn và bền vững theo từng giai đoạn, trước mắt là giai đoạn 2026 - 2030. Đây không chỉ là mục tiêu kinh tế - xã hội, mà còn là cam kết chính trị của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện nguyên tắc “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong chuyển đổi số - nguyên tắc đã được nhấn mạnh xuyên suốt trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết phát triển đất nước đến năm 2045.

Một điểm cần đặc biệt nhấn mạnh, việc bảo vệ người lao động nền tảng không thể tách rời tiến trình cải cách hành chính và tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước. Việc quản lý lao động nền tảng cần được phân cấp mạnh mẽ hơn cho cấp tỉnh, đồng thời chuẩn hóa công tác thống kê, kiểm tra và tuyên truyền về an toàn lao động số. Cấp tỉnh và cấp xã sẽ là tuyến đầu trong việc tiếp cận người lao động nền tảng, hỗ trợ đăng ký bảo hiểm, huấn luyện an toàn và kết nối với cơ quan quản lý trung ương qua nền tảng số. Đây là hướng tiếp cận hiện đại, thể hiện tư duy quản trị linh hoạt trong Nhà nước số mà Chính phủ Việt Nam đang hướng tới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14*.
2. Quốc hội, *Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15*.
3. Quốc hội, *Luật Việc làm số 74/2025/QH15*.
4. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/02/2025 của Bộ Chính trị về “Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”*.
5. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*.